TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 27

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Hỗn số 49 14/100 viết dưới dạng số thập phân là:

A. 49,014 **B.** 49,14 **C.** 0,63 **D.** 490,14

Câu 2. Làm tròn số 209,885 đến hàng phần mười ta được:

A. 209,8 **B.** 209,9 **C.** 209,89 **D.** 210,1

Câu 3. 65,467 × 10 = ……

A. 654,67 **B.** 6546,7 **C.** 6,5467 **D.** 65 467

Câu 4. Một sợi dây dài 22,46 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 5,4 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 27,86 m **B.** 50,22 m **C.** 50,32 m **D.** 39,52 m

Câu 5. 71 000 m^2 = …… ha

A. 0,71 **B.** 7,1 **C.** 710 **D.** 71

Câu 6. Hình thang có đáy lớn 20 cm, đáy bé 6 cm, chiều cao 7 cm. Diện tích hình thang là:

A. 420 cm^2 **B.** 91 cm^2 **C.** 182 cm^2 **D.** 33 cm^2

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Đường kính của hình tròn gấp 2 lần bán kính	
b) 1 km^2 = 100 ha	
c) 1 ha = 1 000 m^2	
d) Nhân một số thập phân với 0,1 ta chuyển dấu phẩy sang trái một chữ số	

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 2,5 × 7,81 × 4 = ……

b) 14,16 × 8,4 + 14,16 × 1,6 = ……

c) 46,3 + 46,5 + 2,7 + 1,5 = ……

Bài 3. Tìm x:

a) x + 24,06 = 41,36; x = ……

b) x × 0,4 = 5,96; x = ……

c) 86,3 − x = 71,56; x = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

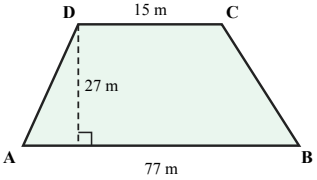
a) 6 m 3 cm = …… m

b) 9 kg 89 g = …… kg

c) 9 ha = …… m^2

d) 9500 m^2 = …… ha

Bài 5. Một thửa ruộng hình thang ABCD có đáy lớn AB = 77 m, đáy bé DC = 15 m, chiều cao 27 m (như hình). Trung bình cứ 1 m^2 thu hoạch được 1,2 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?



a) Diện tích thửa ruộng: …… m^2

b) Số thóc thu hoạch được: …… kg

Bài 6. Một tổ may cắt 7 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 3,9 m vải. Giá mỗi mét vải là 120 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 27

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	B	A	C	B	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) Đ

Bài 2.

a) (2,5 × 4) × 7,81 = 10 × 7,81 = 78,1

b) 14,16 × (8,4 + 1,6) = 14,16 × 10 = 141,6

c) (46,3 + 2,7) + (46,5 + 1,5) = 49 + 48 = 97

Bài 3.

a) x = 41,36 − 24,06 = 17,3

b) x = 5,96 : 0,4 = 14,9

c) x = 86,3 − 71,56 = 14,74

Bài 4.

a) 6,03

b) 9,089

c) 90 000

d) 0,95

Bài 5.

Diện tích: (77 + 15) × 27 : 2 = 1242 (m²)

Số thóc: 1242 × 1,2 = 1490,4 (kg)

Bài 6.

Số vải: 3,9 × 7 = 27,3 (m)

Số tiền: 120 000 × 27,3 = 3 276 000 (đồng)